**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II NĂM HỌC 2022 - 2023**

**MÔN NGỮ VĂN - KHỐI 6**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | 1. Truyện dân gian (Truyện cổ tích). | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| 2. Văn bản thông tin. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Viết** | 1. Kể lại một truyện cổ tích. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| 2. Thuyết minh thuật lại một sự kiện. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

* **Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

**BẢN ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN - KHỐI 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thônghiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | 1. Truyện dân gian (Truyện cổ tích). | **Nhận biết:**  - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật.  - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.  - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu trong văn bản.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua ngoại hình, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.  - Nêu được chủ đề của văn bản.  - Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ văn bản gợi ra.  - Trình bày được điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| 2. Văn bản thông tin. | **Nhận biết:**  - Nhận biết được các chi tiết trong văn bản.  - Nhận biết được cách thức mô tả vấn đề, tường thuật lại sự kiện trong văn bản thông tin.  - Nhận biết được cách triển khai văn bản thông tin theo trật tự thời gian và theo quan hệ nhân quả.  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu.  **Thông hiểu:**  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản.  - Tóm tắt được các ý chính của mỗi đoạn trong một văn bản thông tin có nhiều đoạn.  - Trình bày được tác dụng của nhan đề, sa pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự và dấu đầu dòng trong văn bản.  - Trình bày được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản thuật lại một sự kiện với mục đích của nó.  - Giải thích được vai trò của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (hình ảnh, số liệu,...).  - Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng**:  - Rút ra được những bài học từ nội dung văn bản.  - Đánh giá được giá trị của thông tin trong văn bản hoặc cách thức truyền tải thông tin trong văn bản. |
| **2** | **Viết** | 1. Kể lại một truyện cổ tích. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn kể lại một truyền thuyết hoặc truyện cổ tích. Có thể sử dụng ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba, kể bằng ngôn ngữ của mình trên cơ sở tôn trọng cốt truyện của dân gian. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| 2. Thuyết minh thuật lại một sự kiện. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được văn bản thuyết minh thuật lại một sự kiện. Nêu rõ tên của sự kiện. Tái hiện lại một cách khách quan, chân thực các quá trình của sự kiện, kết quả và những tác động của sự kiện đến bản thân hoặc cộng đồng. |  |  |  |  |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

* **Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm). Đọc văn bản sau:**

**SỰ TÍCH CÂY KHOAI LANG**

*Ở bìa rừng, có hai bà cháu nghèo khổ sinh sống. Hằng ngày, hai bà cháu phải đi đào củ mài để ăn. Một hôm, cậu bé nói với bà:*

*- Bà ơi, cháu đã lớn. Cháu sẽ làm nương, trồng lúa để có gạo nấu cơm. Từ đó, cậu bé chăm chỉ trồng cây trên nương.*

*Năm đó, gần đến ngày thu hoạch lúa thì chẳng may khu rừng bị cháy. Nương lúa thành tro. Cậu bé buồn quá, nước mắt trào ra. Bỗng, Bụt hiện lên, bảo:*

*- Ta cho con một điều ước, con ước gì?*

*- Dạ, con chỉ mong bà của con không bị đói khổ.*

*Bụt gật đầu và biến mất.*

*Hôm ấy, cậu bé đào được củ gì rất lạ. Củ bị lửa rừng hun nóng, có mùi thơm ngòn ngọt. Cậu bé nếm thử, thấy rất ngon, bèn đào thêm mấy củ nữa đem về cho bà. Bà tấm tắc khen ngon và thấy khỏe hẳn ra. Cậu bé kể lại câu chuyện gặp Bụt cho bà nghe, bà nói:*

*- Vậy củ này chính là Bụt ban cho đấy. Cháu hãy vào rừng tìm thứ cây quý đó đem trồng khắp bìa rừng, bờ suối để người nghèo có cái ăn.*

*Cậu bé làm theo lời bà dặn. Chỉ mấy tháng sau, loài cây lạ mọc khắp nơi, rễ cây phình to ra thành củ có màu tím đỏ. Từ đó, nhà nhà hết đói khổ. Mọi người gọi cây đó là “khoai lang”. Đến bây giờ, khoai lang vẫn được nhiều người ưa thích.*

(Tiếng Việt lớp 2, tập 2, trang 33 - Sách Kết nối Tri thức).

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1** **(0,5 điểm).** Truyện “Sự tích cây khoai lang” thuộc thể loại nào?

A. Truyện cổ tích. B. Truyện đồng thoại.

C. Truyền thuyết. D. Thần thoại.

**Câu 2** **(0,5 điểm).** Câu chuyện được kể theo ngôi thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất. B. Ngôi thứ ba.

C. Ngôi thứ hai. D. Cả ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba.

**Câu 3** **(0,5 điểm).** “**Ở bìa rừng**, có hai bà cháu nghèo khổ sinh sống”. Từ in đậm trong câu văn thuộc loại trạng ngữ nào?

A. Trạng ngữ chỉ mục đích.

B. Trạng ngữ chỉ nơi chốn.

C. Trạng ngữ chỉ nguyên nhân.

D. Trạng ngữ chỉ thời gian.

**Câu 4** **(0,5 điểm).** Trong câu văn:*“*Củ bị lửa rừng hun nóng, có mùi thơm ngòn ngọt”, từ láy *ngòn ngọt* có ý nghĩa là:

A. hơi ngọt. B. rất ngọt.

C. cực kì ngọt. D. ngọt đậm.

**Câu 5** **(0,5 điểm).** Trong câu chuyện trên, nhân vật người cháu có những phẩm chất gì?

A. Nhân ái, chăm chỉ. B. Yêu nước.

C. Lười biếng, ích kỉ. D. Cao thượng, lương thiện.

**Câu 6** **(0,5 điểm).** Trong truyện, vì sao ông Bụt lại xuất hiện và giúp đỡ em bé?

A. Vì em vốn là đứa trẻ hiếu động.

B. Vì em thành tâm cầu xin Bụt giúp đỡ.

C. Vì em là một cậu bé hiếu thảo.

D. Vì em siêng năng.

**Câu 7** **(0,5 điểm).** Chủ đề của truyện “Sự tích cây khoai lang”là:

A. Ca ngợi ý nghĩa các loài cây.

B. Ca ngợi tình bà cháu.

C. Ca ngợi tình mẫu tử.

D. Ca ngợi tình chị em.

**Câu 8** **(0,5 điểm).** Nêu tác dụng của dấu ngoặc kép trong câu sau: Một hôm, cậu bé nói với bà: “*Bà ơi, cháu đã lớn. Cháu sẽ làm nương, trồng lúa để có gạo nấu cơm”.*

A. Dùng để ngăn cách các vế trong câu ghép.

B. Ngăn cách các thành phần chú thích với thành phần khác trong câu.

C. Dùng để đánh dấu tên tài liệu, sách, báo dẫn trong câu.

D. Trích dẫn lời nói được thuật lại theo lối trực tiếp.

**Câu 9** **(1,0 điểm).** Qua câu chuyện trên em rút ra được bài học gì? (trả lời bằng đoạn văn 3-5 câu).

**Câu 10** **(1,0 điểm).** Từ nội dung của văn bản, hãy kể một số việc làm thể hiện tình cảm của em với người thân.

**II. PHẦN TỰ LUẬN (4,0 điểm).** Đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích mà em yêu thích.

----------- Hết ----------

**ĐÁP ÁN – HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | - HS nêu được:  + Trong cuộc sống, còn rất nhiều người khó khăn hơn mình.  + Luôn phải biết yêu thương, sẻ chia đến những hoàn cảnh khó khăn, cùng nhau vượt qua.  +.… | 1,0 |
|  | **10** | - HS nêu được những việc làm cụ thể như: nấu cơm, làm việc nhà,… | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự. | 0,25 |
|  | b. Xác định đúng yêu cầu đề bài: Đóng vai nhân vật kể lại một truyền thuyết hoặc truyện cổ tích bằng lời của mình. | 0,25 |
|  | c. Triển khai các ý cho bài văn tự sự.  HS có thể triển khai theo nhiều cách, biết sử dụng phương thức biểu đạt chính là tự sự; đảm bảo các yêu cầu sau:  **1. Mở bài**  **-** Giới thiệu về nhân vật và câu chuyện định kể.  **2. Thân bài**  **Kể lại diễn biến của câu chuyện:**  - Xuất thân của nhân vật.  - Hoàn cảnh, tình huống diễn ra câu chuyện.  - Diễn biến chính:  + Sự việc 1:  + Sự việc 2:  + Sự việc 3:  + Sự việc….  **3. Kết bài**  **-**Kết thúc câu chuyện và nêu bài học được rút ra từ câu chuyện. | 3,0 |
|  | d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25 |
|  | e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn giàu cảm xúc, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ. | 0,25 |

***Lưu ý: Học sinh làm theo các cách khác mà đúng vẫn cho điểm tối đa.***